TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **78**/2025/HNGĐ-ST Ngày 27-5-2025 *"V/v ly hôn và tranh chấp về con chung"*	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Trương Thị Đông

Các Hội thẩm Nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tiến Dũng

2. Ông Nguyễn Công Tình

Thư ký phiên toà: Bà Văn Thị Nguyễn Hiền - Thư ký Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2025/TLST–HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2025 về việc "Ly hôn và tranh chấp về con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Trương Ngọc T, sinh năm: 1991

Địa chỉ: Thôn B, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn T1, sinh năm: 1991

Nơi đăng ký HKTT: Thôn B, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ liên hệ: Số nhà B đường F, thôn E, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn – Chị Lê Trương Ngọc T trình bày nội dung như sau:

Chị Lê Trương Ngọc T và anh Lê Văn T1 chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 25 tháng 10 năm 2016.

Quá trình chung sống, chị T và anh T1 có 02 con chung là cháu Lê Chí K, sinh ngày 21/8/2017 và Lê Tuấn K1, sinh ngày 28/11/2019.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Quá trình chung sống vợ chồng luôn phát sinh mâu thuẫn, mặc dù chị T và anh T1 đã khắc phục để hàn gắn nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Gia đình nội ngoại hai bên đã nhiều lần can ngăn, khuyên bảo nhưng kết quả không thành, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn. Nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh Lê Văn T1.

Về con chung: Khi ly hôn chị T và anh T1 thỏa thuận chị T sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Chí K và anh Lê Văn T1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Tuấn K1 đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chúng tôi tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Văn T1 có lên Tòa án làm việc và được hướng dẫn trình bày bản tự khai, anh T1 đồng ý ly hôn tuy nhiên anh T1 không ký vào bản tự khai. Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tuy nhiên anh T1 không đến tham dự phiên họp. Vì vậy, Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

3. ***Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu như sau:***

- *Về tố tụng:* Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với đương sự (nguyên đơn, bị đơn): Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Trương Ngọc T về việc yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Lê Văn T1. Về con chung: Giao con chung cháu Lê Chí K, sinh ngày 21/8/2017 cho chị Lê Trương Ngọc T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi và giao con chung cháu Lê Tuấn K1, sinh ngày 28/11/2019 cho anh Lê Văn T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị Lê Trương Ngọc T và anh Lê Văn T1 có quyền đi lại

thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Về cấp dưỡng: Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Về án phí: Nguyên đơn chị Lê Trương Ngọc T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu, xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lê Trương Ngọc T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn anh Lê Văn T1, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn và tranh chấp về con chung" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn Chị Lê Trương Ngọc T có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn anh Lê Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T và anh T1 là đảm bảo đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Trương Ngọc T và anh Lê Văn T1 chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 25 tháng 10 năm 2016 trên cơ sở tự nguyện là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống, chị T và anh T1 luôn phát sinh mâu thuẫn, mặc dù đã khắc phục để hàn gắn nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Gia đình nội ngoại hai bên đã nhiều lần can ngăn, khuyên bảo nhưng kết quả không thành, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh Lê Văn T1.

Theo biên bản xác minh tình trạng mâu thuẫn vợ chồng tại địa phương được biết: Chị Lê Trương Ngọc T và anh Lê Văn T1 chung sống tại địa phương và có xảy ra mâu thuẫn. Địa phương đã tổ chức hòa giải để khuyên bảo hai bên bỏ qua mọi chuyện để cùng nhau chung sống, xây dựng hạnh phúc gia đình, nuôi dạy con cái. Tuy nhiên buổi hòa giải không thành và vẫn mong muốn ly hôn. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Lê Trương Ngọc T và anh Lê Văn T1 đã trầm trọng mà không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Trương Ngọc T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Chị Lê Trương Ngọc T và anh Lê Văn T1 có 02 con chung là cháu Lê Chí K, sinh ngày 21/8/2017 và Lê Tuấn K1, sinh ngày 28/11/2019. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Chí K đến tuổi trưởng thành và đồng ý giao cháu Lê Tuấn K1 cho anh T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Hội đồng xét xử xét thấy tại đơn xin ly hôn, chị T và anh T1 thỏa thuận thống nhất mỗi người nuôi 01 con chung và nguyện vọng của cháu Lê Chí K là được sống cùng với mẹ. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần của các cháu nên giao cháu Lê Chí K cho chị Lê Trương Ngọc T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành và giao cháu Lê Tuấn K1 cho anh Lê Văn T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai là phù hợp theo quy định tại Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Lê Trương Ngọc T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận đơn khởi kiện về yêu cầu xin ly hôn của Chị Lê Trương Ngọc T. Chị Lê Trương Ngọc T được ly hôn với anh Lê Văn T1.

- Về con chung: Giao con chung cháu Lê Chí K, sinh ngày 21/8/2017 cho chị Lê Trương Ngọc T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ tuổi thành niên.

Giao con chung cháu Lê Tuấn K1, sinh ngày 28/11/2019 cho anh Lê Văn T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ tuổi thành niên.

Chị Lê Trương Ngọc T và anh Lê Văn T1 có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Trương Ngọc T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

[2] Về án phí: Chị Lê Trương Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị Lê Trương Ngọc T đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0012736 ngày 13 tháng 11 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- P. NVKT&THA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lăk;
- VKSND Tp Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp Buôn Ma Thuột;
- UBND xã Hòa Thuận, Tp.Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Đông